

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG CHÀ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xôm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Khoàng Văn Hặc**

2. Ông **Nguyễn Xuân Hoàng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:  
Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện  
Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn  
nhân gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/01/2024 về việc ly hôn,  
tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
03/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Hồ Thị Đ** - Sinh năm: 1981.

Trú tại: Bản C, xã S, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

**Bị đơn:** Anh **Vàng A C** - Sinh năm: 1975.

Trú tại: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, có đơn xin vắng mặt.

**Người phiên dịch:** Anh **Thào A Chứ**, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Tổ dân  
phố 10, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27 tháng 9 năm 2023, trong quá  
trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Hồ Thị Đ** trình bày:

**Về hôn nhân:** Tôi và anh **Vàng A C** quen biết và tìm hiểu nhau, vào năm  
2003, sau khi được hai bên gia đình đồng ý chúng tôi tự nguyện về chung sống  
với nhau như vợ chồng được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa  
phương, cho đến nay không đăng ký kết hôn.

Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng chúng tôi sống rất hạnh phúc và có với nhau được bốn đứa con chung. Đến đầu năm 2019 vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn rất nhiều, anh C còn có hành vi đánh đập và mắng chửi tôi. Cuối 07/2023 tôi bỏ về nhà bố mẹ để ở bản C, xã S, huyện M để sống, từ đó đến nay hai chúng tôi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Mặc dù tôi đã rất cố gắng để cuộc sống vợ chồng tốt hơn, vẫn không hiểu cho tôi khiến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vậy tôi viết đơn này, kính mong Tòa án nhân dân huyện Mường Chà giải quyết ly hôn cho tôi và anh Vàng A C theo quy định pháp luật.

**\* Về con chung, con riêng, con nuôi:**

Chúng tôi có bốn con chung: Vàng A P; sinh ngày 01/09/1997; Vàng Thị D; sinh ngày: 05/11/2001; Vàng A L; sinh ngày: 10/08/2005 và Vàng Thị V; sinh ngày: 26/03/2007. Cháu P, D, L đều đã trên 18 tuổi phát triển bình thường, đã có gia đình riêng bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Vàng Thị V, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Tôi không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 01 năm 2024, trong quá trình giải quyết bị đơn anh Vàng A C trình bày:**

Anh đồng ý với những lời trình bày của chị Đ về thời gian chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng đã sống với nhau gần 20 năm nhưng hiện tại chị Đ không muốn chung sống với anh, anh cũng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng chị Đ nhất quyết không muốn sống cùng anh, do anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**\* Về con chung, con riêng, con nuôi:** Chúng tôi có bốn con chung đúng như chị Đ trình bày, đối với các cháu đã lớn anh cũng không yêu cầu giải quyết, còn đối với cháu Vàng Thị V anh nhất trí theo nguyện vọng của cháu, anh, chị đã thỏa thuận thống nhất chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh nhất trí việc chị Đ không yêu cầu anh cấp dưỡng việc nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\*) Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:** Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng.

**Về quan điểm giải quyết vụ án:** Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 1 Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD; thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”.

**Về hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Đ và anh Vàng A C.

**Về con chung:** Giao cháu Vàng Thị V, sinh ngày 26/3/2007 cho chị Hồ Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, ghi nhận việc chị Đ không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, anh C được đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

**Về tài sản chung, riêng và công nợ:** Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Đ và anh C cùng thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét.

**Về án phí:** Chị Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nuôi con khi ly hôn, bị đơn anh Vàng A C cư trú tại bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Bị đơn anh Vàng A C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Về hôn nhân:**

[2]. Chị Hồ Thị Đ và anh Vàng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho đến thời điểm đề nghị Tòa án giải quyết mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh C thấy rằng từ năm 2003 thì anh, chị chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống, có những lúc không kìm chế, anh C mắng chửi, thậm chí còn có bạo lực gia đình, vì không chịu được chị Đ phải bỏ về ở cùng bố mẹ đẻ ở bản C,

xã S, huyện M. Anh, chị không còn tôn trọng và không còn quan tâm nhau nữa. Mặc dù sự việc đã được hai bên gia đình, khuyên giải nhưng không mang lại kết quả gì. Tại phiên tòa chị Đ khẳng định cho đến thời điểm này chị không còn tình cảm với anh C nữa vì sống với nhau không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh C nhất trí yêu cầu của chị Đ.

Anh C và chị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng anh, chị vẫn không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật HN&GD năm 2014 thì việc sống chung như vợ chồng của anh C và chị Đ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào Luật HN&GD năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014” không công nhận quan hệ giữa chị Hồ Thị Đ và anh Vàng A C là vợ chồng.

#### **Xét về con chung:**

[3]. Chị Đ và anh C có 04 con chung: Vàng A P; sinh ngày 01/09/1997; Vàng Thị D; sinh ngày: 05/11/2001; Vàng A L; sinh ngày: 10/08/2005; Vàng Thị V; sinh ngày: 26/03/2007. Đối với các cháu P, D và L các cháu đều đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên anh C, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Vàng Thị V có nguyện ở cùng với chị Đ. Chị Đ cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vàng Thị V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu anh C cấp dưỡng, nuôi con. Anh Vàng A C nhất trí. Sự thoả thuận của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

#### **Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:**

[4]. Trong quá trình giải quyết anh C và chị Đ cùng thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

#### **Về án phí:**

[5]. Chị Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị Đ.

Về ý kiến giải quyết vụ án của đại diện Kiểm sát viên sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 57, Điều 58, Điều 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD; căn cứ vào khoản 4 Điều 3, Điều 7 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”;

### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Hồ Thị Đ và anh Vàng A C là vợ chồng.

### **2. Về con chung:**

Giao cháu Vàng Thị V, sinh ngày 26/3/2007 cho chị Hồ Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị Hồ Thị Đ không yêu cầu anh Vàng A C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Vàng A C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu. Tòa án sẽ xem xét và giải quyết theo quyết định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng:** Không đề cập xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Căn cứ vào khoản 4 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNDQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị Hồ Thị Đ.

**5.** Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc niêm yết bản án.

### **Nơi nhân:**

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Quàng Văn Xôm**